

Thích nữ Nguyên Bửu

KINH MỘC TÍCH DỤ

Giảng giải



Thiền viện An Lạc

PL.2570 - DL.2026

Nam-mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni

Pháp Phật sâu mầu chẳng gì hơn,

Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp,

Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,

Nguyện hiểu nghĩa chơn Đức Thế Tôn.

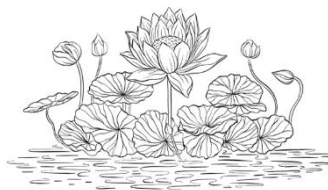
Chúng con kính nguyện Mười phương Vô thượng Tam Bảo từ bi gia hộ.

Chúng con kính nguyện Đức Phật Bốn sư Thích Ca Mâu Ni từ bi gia hộ

Chúng con kính nguyện lịch đại Tổ sư từ bi gia hộ.

Chúng con kính nguyện chư tôn Hộ pháp từ bi gia hộ.

Chúng con kính nguyện Đức Tông chủ Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam đương đại Thiên sư thượng Thanh hạ Từ từ bi gia hộ.



KINH MỘC TÍCH DỤ GIẢNG GIẢI



Kinh Mộc Tích Dụ là bài kinh thứ 5 của phẩm Thất pháp trong kinh Trung A Hàm. Tương tự như kinh Thủy Dụ, Đức Phật cũng sử dụng một thí dụ để làm tiêu đề cho bài kinh. Tuy nhiên, kinh Thủy Dụ chỉ có một ví dụ duy nhất, còn kinh Mộc Tích Dụ bao gồm nhiều ví dụ khác nhau. Đức Phật lấy ví dụ đầu tiên để đặt tên cho toàn bộ bài kinh.

"Mộc" có nghĩa là cây hoặc gỗ; "tích" là sự tích tụ, gom lại thành đống. Do đó, "Mộc Tích Dụ" là ví dụ về đống cây lớn đang bốc cháy.

Sau khi nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh này, có rất nhiều vị tỳ-kheo đã quyết định hoàn tục. Vừa qua, chúng ta đã được học về kinh Thủy Dụ, do đó cần tự nhắc nhở bản

thân nỗ lực tu tập để không rơi vào nhóm người thối tâm hoàn tục. Mục tiêu của chúng ta sau khi nghe kinh là phải đạt được sự giải thoát, gột rửa hoàn toàn vô minh lậu và hữu lậu, chứ không phải vì sợ hãi mà bỏ cuộc. Bài kinh này mang tính cảnh tỉnh rất cao và đáng sợ đối với người tu hành, chính vì vậy mà nhiều vị thời xưa sau khi nghe xong đã hoảng sợ và xin hoàn tục.

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la, du hành giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo.

Đoạn này là Lục chủng thành tựu (sáu yếu tố chứng thực bản kinh). "Tôi nghe" là Văn thành tựu; "Như vậy" là Pháp thành tựu; "Một thời" là Thời thành tựu; "Đức Phật" là Chủ thành tựu; "Câu-tát-la" là Xứ thành tựu; và "Đại chúng Tỳ-kheo" là Chúng thành tựu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đồng cây lớn ở một nơi kia đang bùng cháy dữ dội. Thế Tôn thấy

vậy liền bước xuống bên đường đi đến một cây khác, trái Ni-sư-đàn kết già mà ngồi.

Nhân duyên Đức Thế Tôn thuyết bài pháp này là do Ngài nhìn thấy đồng cây lớn đang cháy và muốn mượn cảnh ấy để răn dạy, nhắc nhở chư Tỳ-kheo.

Thời xưa, Đức Phật cùng chư Tỳ-kheo thường xuyên du hành từ nơi này đến nơi khác nhằm mục đích kết duyên với chúng sinh, gieo duyên nhiều hơn với nhân gian, từ đó mang chánh pháp giáo hóa mọi người. Đó là lý do vì sao Đức Thế Tôn ít khi dừng chân ở một nơi quá lâu.

Ngay giữa đường đi Ngài cũng có thể nương vào nhân duyên ngoại cảnh để thuyết pháp chỉ dạy chúng tăng, chứng tỏ lòng từ bi của Đức Thế Tôn vô cùng lớn lao. Ở đây, hình ảnh một đồng cây lớn bị đốt cháy dữ dội (bởi vì gỗ là chất bắt lửa rất nhanh và mạnh) đã trở thành một ví dụ trực quan sinh động cho bài giảng của Ngài.

Đức Thế Tôn ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy đồng cây lớn đang kia bùng cháy không?”

Khi đó các Tỳ-kheo trả lời:

“Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy”.

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nghĩ sao, với đồng cây lớn phụt cháy hừng hẫy đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?”

Lúc ấy các Tỳ-kheo thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, với đồng cây lớn đang phụt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh,

tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn đã nêu một câu hỏi mang tính đối lập mạnh mẽ để các Tỷ-kheo tự chiêm nghiệm. Ngài đưa ra hai cảnh: một bên là ôm ấp, ngồi hay nằm lên một đồng cây lớn đang bốc cháy hùng hực; và một bên là gần gũi với một cô gái đang độ tuổi thanh xuân đẹp đẽ, thuộc các giai cấp quý tộc hoặc trung lưu, thân thể được tắm gội thơm tho và trang sức lộng lẫy.

Ở ví dụ này, khi liệt kê các giai cấp, Ngài chỉ nhắc đến ba hạng đầu trong xã hội Ấn Độ cổ đại gồm: Sát-đế-lợi (dòng vua chúa, quan quyền), Phạm chí (dòng giáo sĩ, Bà-la-môn) và hàng cư sĩ, thợ thuyền (tầng lớp thương nhân, bình dân tự do hay còn gọi là Vệ-xá). Ngài hoàn toàn không đề cập đến hàng Thủ-đà-la (tầng lớp nô lệ, tôi tớ ở đáy xã hội). Sở dĩ có điều này là vì trong quan niệm phân biệt giai

cấp vô cùng khát khe của xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, tầng lớp nô lệ không được giới quý tộc và trung lưu đoái hoài hay bận tâm tới. Do đó, Đức Phật đã khéo léo dùng hình ảnh những thiếu nữ thuộc ba giai cấp được xã hội trọng vọng để làm ví dụ về đỉnh cao của sự hưởng thụ dục lạc.

Đứng trước câu hỏi của Đức Thế Tôn, câu trả lời của các vị Tỳ-kheo cũng chính là phản ứng tâm lý tự nhiên của tất cả chúng sinh. Việc tiếp xúc với đồng lửa đang cháy dữ dội chắc chắn sẽ mang lại sự đau đớn tột cùng, thậm chí là nguy hiểm đến tính mạng; trong khi việc gần gũi với một người nữ xinh đẹp, quyến rũ sẽ đem đến cảm giác thỏa mãn và vui sướng. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo — và ngay cả chính chúng ta nếu ở trong hoàn cảnh đó — đều sẽ khẳng định rằng việc gần gũi người nữ thanh xuân mang lại sự vui sướng hơn rất nhiều so với việc phải chịu đựng nỗi khổ xác thân bên đồng lửa hừng hực kia.

Đức Thế Tôn bảo:

“Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đống cây lớn đang phừng cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở, hoặc chết. Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thịnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến cõi xấu, sanh vào địa ngục. Do đó, các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này:

‘Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ; tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy’.

Lời dạy của Đức Thế Tôn ở đoạn này thực sự khiến người nghe vừa khởi tâm kính thương Ngài vô hạn, vừa không khởi giật mình tỉnh giác. Đức Phật đã khẳng định một chân lý vô cùng nghiêm khắc: Nếu một hành giả xuất gia nhưng không xứng đáng với phẩm hạnh Sa-môn, thì thà ôm một đồng củi đang bốc cháy hừng hực cho đến chết, còn hơn là dung túng bản thân ôm ấp một người nữ trẻ đẹp.

Tại sao lại có sự so sánh dường như tàn khốc đến như vậy? Đức Thế Tôn chỉ rõ quy luật nhân quả: Nếu ôm đồng củi cháy, nổi thống khổ và cái chết chỉ diễn ra trong một

đòi, tiêu hủy một tấm thân này là chấm dứt, hoàn toàn không đẩy người đó đọa vào ác đạo hay địa ngục. Ngược lại, một người tu hành phạm vào ác giới, dâm giới... để thỏa mãn dục lạc thế gian thì cái giá phải trả vô cùng đắt. Sự buông lung ấy sẽ dẫn đến chuỗi ngày dài u tối, không thiện, không nghĩa, thọ nhận quả báo ác pháp và khi thân hoại mạng chung phải đọa thẳng vào địa ngục để chịu khổ vô lượng kiếp.

Trong lời dạy này, chúng ta thấy Đức Phật dùng cụm từ “người ngu si phạm giới”. Bởi chỉ có sự ngu si, vô minh mới dẫn dắt con người đến hành vi phạm giới. Một người thực sự sáng suốt, thấu triệt và tin sâu nhân quả sẽ không bao giờ dám đánh đổi. Giống như một người lớn biết rõ nước đang sôi bốc khói thì tuyệt đối không đại dột thọc tay vào, chỉ có đứa trẻ dại khờ, không biết sự nguy hiểm mới vô thức chạm tay vào để rồi bị bỏng nặng. Người trưởng thành có lý trí cũng thà chấp nhận đi ăn xin chứ nhất quyết không đi vay

nặng lãi, bởi họ biết rõ cái lợi trước mắt nhỏ nhoi bao nhiêu thì cái họa trả nợ sau này sẽ đẩy họ vào con đường cùng bấy nhiêu. Người tu hành có trí tuệ cũng vậy, thà chấp nhận chịu khổ hoặc hy sinh thân mạng trong hiện tại để bảo toàn giới hạnh, còn hơn là gieo rắc mầm mống khổ đau khôn cùng trong tương lai.

Cụm từ “không tinh tấn” dùng để chỉ những hành giả không siêng năng tu tập, thiếu sự kiên trì trong việc gìn giữ những thiện pháp và giới luật mà mình đã thọ nhận. Khi thiếu đi sự tinh tấn, tâm thức sẽ dễ dàng “sinh ác pháp bất thiện”. Ở đây, chúng ta cần hiểu đúng nghĩa của từ “ác pháp”. Ác pháp không chỉ giới hạn ở những tội lỗi lớn lao như sát sanh, trộm cắp, dâm dục... mà bất kỳ tâm niệm hay hành động nào làm chướng ngại tâm đạo, cản trở con đường giải thoát đều gọi là ác pháp.

Chẳng hạn, tâm đố kỵ thuộc về sân, hay các trạng thái sân hận, tham lam, chấp giữ

không buông xả... đều là ác pháp. Ngay cả một việc tưởng chừng nhỏ nhất như khi ăn một món ngon, vì khởi tâm tham đắm mà lén cất để dành, đó cũng là ác pháp vì nó làm chướng ngại đạo tâm. Tương tự, khi đối diện với bệnh tật hay nghịch cảnh mà khởi tâm sân giận, đổ lỗi cho người khác thay vì nhìn lại mình, đó chính là sự che giấu lỗi lầm (phú tàng). Hay khi thấy lỗi của người khác liền đi rêu rao khắp nơi là đang tạo ác nghiệp từ nơi cửa miệng. Tham, sân, si chính là cội nguồn của mọi ác pháp bất thiện làm ngăn che sự giải thoát.

Khi một người tu hành để tâm mình dung chứa và phát sinh những ác pháp ấy, Đức Phật gọi đó là: “Không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn”. Lời răn dạy này Đức Thế Tôn dành cho hàng xuất gia – những người phát nguyện tu tập "phạm hạnh". Phạm hạnh là nỗ lực giữ gìn sự trong sạch toàn vẹn. Sự trong sạch này không chỉ đơn

thuần ở nơi Thân (không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục...) mà phải bao hàm cả Khẩu (miệng không nói dối, không nói lời ác, không thêu dệt, lừa gạt...) và Ý (tâm không tham lam, không sân hận, không tật đố...). "Hạnh" ở đây bao gồm cả Thân hạnh, Khẩu hạnh và Ý hạnh. Do đó, một khi chúng ta để ba nghiệp của mình phát sinh các ác pháp bất thiện thì không thể tự xưng là người đang tu tập phạm hạnh chân chính.

Danh xưng "Sa-môn" dùng để chỉ cho người xuất gia. Theo đúng nghĩa lý của nhà Phật, xuất gia bao hàm ba tầng nghĩa rõ ràng: *Xuất thế tục gia* (ra khỏi nhà thế tục), *Xuất phiền não gia* (ra khỏi nhà phiền não), và *Xuất tam giới gia* (ra khỏi nhà ba cõi). Một người đã phát nguyện xuất gia mà tâm vẫn còn vướng bận các pháp thế gian như tham đắm tiền tài, danh lợi..., hay quá bận tâm đến lời khen chê của thế tục, người đó chưa thực sự ra khỏi nhà thế tục.

Tương tự, nếu người tu còn đắm mê trong tình thân gia đình thì không thể gọi là xuất gia chân chính. Ở đây, cần phân biệt rõ ái và nhiễm, chúng ta có tình thương (ái) đối với người thân nhưng tuyệt đối không được để bị ô nhiễm (nhiễm). Tức là ta vẫn thương yêu gia đình nhưng không để bản thân bị cuốn theo dòng chảy vọng nghiệp của thế gian.

Dứt bỏ được ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) mới là được thế tục gia. Là được thế tục gia mới đoạn trừ được phiền não gia, và từ đó mới có thể vượt khỏi tam giới gia.

Khi một tu sĩ để tâm mình phát sinh những ác pháp bất thiện mà vẫn xưng là tu sĩ, xưng là người xuất gia, đó chính là “không phải Sa-môn mà gọi là Sa-môn”.

Trong ví dụ này, "ôm người con gái" chỉ là một điển hình cho việc không dứt trừ sắc dục. Trong thực tế, ác pháp còn biểu hiện qua rất nhiều hình thức khác như: mưu cầu kết thân với người quyền quý, hành nghề bói

toán coi tướng để kiếm tiền, hay lên mạng xã hội tạo chiêu trò để câu kéo danh tiếng... Tất cả những việc làm chạy theo thói thường thế gian này đều là ác pháp chướng ngại đạo tâm, khiến người tu ngày một lún sâu vào nẻo bất thiện.

Cụm từ “không có nghĩa” là một lời thức tỉnh sâu sắc. Một việc làm chỉ thực sự có nghĩa khi nó hướng đến chân lý và mang lại lợi ích giải thoát. Đơn cử như việc thuyết pháp, ý nghĩa chân chính của một bậc pháp sư, giảng sư là mang lời vàng ngọc của Đức Phật truyền tải đến quần chúng, giúp người nghe thức tỉnh, phá trừ si mê và hướng về nẻo giác. Nếu bước lên pháp tòa chỉ để mưu cầu danh lợi, mang tâm ganh tỵ dùng lời lẽ nói xấu, bôi nhọ các vị giảng sư khác..., thì việc giảng pháp ấy hoàn toàn “không có nghĩa”. Khi để cho danh lợi và tâm tham sân si chi phối, vị ấy không giữ đúng tư cách và bổn phận của một vị giảng sư. Cho dù vị đó đang giảng kinh, nhưng nếu mang tâm đố kỵ đem hạt giống sân si, so sánh, thị phi... gieo rắc vào tâm trí

người nghe, gây chia rẽ và tạo ác nghiệp từ lời nói, đó đích thị là việc ác.

Đã tạo tác ác nghiệp thì việc thọ nhận quả báo ác pháp là điều không thể tránh khỏi. Trong Lương Hoàng Sám, có câu chuyện về một vị giảng sư vốn có tài hùng biện nhưng lại dùng miệng lưỡi của mình để tạo thị phi, chia rẽ và gây oán hận trong tăng chúng. Do tạo nghiệp từ miệng, vị ấy phải chịu quả báo làm một con cá vàng có hơi thở hôi thối cực kỳ. Nhưng đó mới chỉ là "hoa báo" (quả báo ban đầu) ở cõi súc sanh, "chánh báo" (quả báo chính) của vị ấy là phải đọa vào địa ngục chịu khổ muôn kiếp, và sau khi mãn hạn địa ngục được tái sanh làm người, vị ấy vẫn phải gánh chịu "dư báo" (quả báo còn sót lại) như bị sút môi, nói ngọng hay mắc các tật bệnh về miệng. Nhân quả rất công minh: gieo nhân ở miệng thì gánh quả ở miệng. Do đó, kinh văn khẳng định người tu phạm giới, buông lung ba nghiệp khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến cõi xấu, đọa lạc vào địa ngục tối tăm.

“*Hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa*” chính là kim chỉ nam cho mọi hành động của người tu. “Nghĩa này, nghĩa kia” có thể hiểu là xem xét trước sau trên hai phương diện: đối với mình và đối với người. Hành giả cần tự đặt câu hỏi: Việc mình sắp làm có lợi hay có hại cho sự tu tập của bản thân? Và nó có lợi hay có hại cho sự tu tập của người khác hay không? Việc suy nghĩ thấu đáo như vậy sẽ giúp chúng ta biết dừng lại kịp thời trước các ác pháp. Đúng như tinh thần của Tứ Chánh Cần: ác pháp đã sinh thì phải đoạn trừ, ác pháp chưa sinh thì không cho phát khởi, đồng thời luôn sợ hãi việc ác và hướng tâm về nẻo thiện lành.

Trong đời sống hằng ngày, quán sát hai nghĩa giúp ta tỉnh giác ngay khi tâm vừa khởi niệm xấu. Chẳng hạn, khi nghe huynh đệ bắt đầu nói xấu ai đó, ta phải lập tức ngăn chặn. Ta có thể từ chối khéo léo rằng mình không thích nghe chuyện thị phi, hoặc chủ động lánh đi nơi khác. Nếu bắt buộc dĩ phải nghe, hãy để nó “tai này qua tai kia” rồi trôi đi mất,

tuyệt đối không tham gia bàn tán để rồi tạo thành ác nghiệp của miệng và ý. Tương tự, khi nghe ai đó được khen ngợi mà tâm ta khởi lên sự đố kỵ, ta phải lập tức nhận ra và buông xả ngay. Thay vì ganh ghét, ta cần thực hành hạnh tùy hỷ — vui với cái hay và thành tựu của người khác.

Nếu không chuyển hóa, tâm đố kỵ (tật) một ngày nào đó sẽ biến thành hành động hãm hại (hại), gọi chung là "tật hại". Thực tế đã có câu chuyện đau lòng về một nhóm nghiên cứu sinh tiến sĩ. Chỉ vì vị giáo sư hướng dẫn buột miệng khen ngợi một người nổi trội hơn, một người bạn trong nhóm đã nảy sinh lòng tật đố nặng nề. Lòng đố kỵ ấy lớn dần khiến anh ta nhẫn tâm ra tay sát hại người bạn được khen, rồi tạo dựng hiện trường giả để đổ tội cho một người bạn khác trong nhóm. Kết quả là một người chết, một người vướng vòng lao lý. Dù vài năm sau sự thật được phanh phui, nhưng người chết cũng đã chết, người ở tù cũng đã ở tù, câu

chuyện là một minh chứng cho sự tàn khốc của tâm tật đố. Vì thế, ngay khi những hạt giống xấu ác vừa nhen nhóm, người tu phải lập tức hóa giải, chuyển chúng thành vô lậu để chúng không có cơ hội biến ta thành "ác quỷ" làm hại người và hại chính mình.

"Và hãy suy nghĩ như thế này, ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không". Đây là câu cảnh tỉnh rất lớn đối với người tu. Một người đã phát nguyện cắt ái ly gia, từ bỏ người thân và sự nghiệp thế gian, khoác lên mình áo Ca-sa thì nhất định phải tạo dựng một đời sống có giá trị. Giống như người nỗ lực học tập lấy được bằng bác sĩ, nhưng sau đó lại đem cất đi, không hành nghề cứu người, thì việc học ấy quả thực vô ích. Người xuất gia cũng vậy, nếu không cố công tu tập, đời tu sẽ trôi qua một cách uổng phí (luống không), không có bất cứ giá trị chuyển hóa nào.

Đức Phật khẳng định nỗ lực ấy chắc chắn sẽ "có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực". Như *Kinh Thủy Dự* nói về hạng người thứ ba,

dù chưa đắc thánh quả, chưa đoạn trừ hết các kiết sử, nhưng người tu chân chính đã có dũng khí bước ra khỏi dòng xoáy thế tục, không để dòng đời cuốn trôi vào bể khổ. Do đó, quả báo của sự tu tập là vô cùng thù thắng. Có câu chuyện một đôi chim làm tổ trước chánh điện, hằng ngày nghe tiếng tụng kinh của chư Ni, sau khi xả bỏ thân chim đã được tái sinh làm người, trở thành những vị ni cô có tướng hảo và thông tuệ nhờ chúng tử kinh điển đã gieo vào tạng thức ở kiếp trước. Hay một con trâu nuôi trong chùa, mỗi nửa tháng quý Thầy đem kinh ra phơi, nó thường đến ngửi nửa quyển đầu của kinh Pháp Hoa, đời sau được làm quan lớn và thấu suốt được nửa bộ kinh Pháp Hoa.

Những con vật chưa hiểu nghĩa lý còn được phước báo như vậy, huống chi người tu hành mỗi sớm mai thức dậy đều lễ Phật, tọa thiền, sống với tâm tỉnh giác, hoặc niệm Phật, trì giới, nghe pháp... hay công quả quét dọn, giữ gìn vệ sinh ngôi Tam Bảo — vốn là tài sản

chung của mười phương Tăng và là nơi quy tụ của các bậc Thánh hiền, hộ pháp — những điều đó đều là những nhân lành vô lượng. Một người tu hành nghiêm túc, dù đời này chưa đạt được giải thoát hoàn toàn, nhưng phước báu hữu lậu cũng đủ để đời sau sinh ra trong gia đình giàu có, quyền thế, dung mạo đoan trang và trí tuệ thông minh hơn người. Con đường tu tập chân chính vừa đem lại phước báu hữu lậu thù thắng, vừa là chiếc bè đưa hành giả hướng đến bến bờ an lạc cùng cực và giải thoát viên mãn.

Tại sao trong đoạn kinh này Đức Thế Tôn lại dùng cụm từ “an lạc cùng cực”? Bởi đời sống tu tập chân chính luôn hướng hành giả đến cảnh giới tối thượng. Một người đã vượt thoát dòng chảy thế tục, tựa như người đã đứng vững trong nước (*Kinh Thủy Dự*), họ mới có khả năng nhìn bao quát xung quanh. Sự vững chãi và niềm tin kiên cố (tín tâm) ấy giúp họ quan sát sâu sắc để từ đó phát sinh trí tuệ. Nhờ có trí tuệ soi đường, sự an lạc nội tâm bắt đầu hiển lộ và không ngừng tăng

tiến cho đến mức "cùng cực", tức là đạt đến đỉnh cao của sự giải thoát hoàn toàn, vô lậu. Trạng thái đứng vững để nhìn quanh giúp hành giả nhận ra bến bờ giải thoát và dốc lòng tiến về phía bờ ấy. Sự hỷ lạc giải thoát này thù thắng đến mức không một danh từ hay khái niệm thế gian nào có thể mô tả trọn vẹn được.

“Sanh vào các thiện xứ để được trường thọ”. Đây là một quả báo mang tính quy luật. Khi nỗ lực tu tập và giữ gìn tịnh giới cẩn thận, hành giả chắc chắn sẽ tái sinh vào các cõi thiện lành như cõi người hoặc cõi trời. Càng lên các tầng trời cao hơn thì tuổi thọ càng kéo dài:

- Cõi Tứ Thiên Vương: 1 ngày 1 đêm bằng 50 năm cõi người; tuổi thọ trung bình là 500 tuổi trời (tương đương 9 triệu năm cõi người).
- Cõi Đao Lợi: 1 ngày 1 đêm bằng 100 năm cõi người; tuổi thọ là 1.000 tuổi trời.
- Cõi Dạ Ma: 1 ngày 1 đêm bằng 200 năm cõi người; tuổi thọ là 2.000 tuổi trời.

- Cõi Đâu Suất: 1 ngày 1 đêm bằng 400 năm cõi người; tuổi thọ là 4.000 tuổi trời.
- Cõi Hóa Lạc: 1 ngày 1 đêm bằng 800 năm cõi người; tuổi thọ là 8.000 tuổi trời.
- Cõi Tha Hóa Tự Tại: 1 ngày 1 đêm bằng 1.600 năm cõi người; tuổi thọ là 16.000 tuổi trời.

Lên đến các cõi Sắc giới, Vô sắc giới nhờ công phu thiền định, thời gian sống được tính bằng hàng triệu năm và các đại kiếp. Sự trường thọ ở các cõi thiện xứ này cung cấp một quỹ thời gian dồi dào để hành giả tiếp tục duy trì tiến trình tu tập của mình. Đó chính là bức tranh toàn cảnh mà Đức Phật muốn phác họa để chứng minh rằng: con đường xuất gia chân chính luôn mang lại những quả báo thù thắng, sinh vào cõi lành, duy trì tuổi thọ dài lâu, cuối cùng chạm đến bến bờ an lạc tuyệt đối.

“Tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ

được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy."

Người xuất gia mang một trách nhiệm vô cùng lớn lao khi thọ nhận bốn sự cúng dường (tứ sự) từ đàn na tín thí. Người tu phải nỗ lực công phu như thế nào để xứng đáng làm ruộng phước, giúp người dâng cúng gặt hái được phước đức và đại quả báo. Bởi giá trị phước báu của người cúng dường luôn tỷ lệ thuận với đạo hạnh của người thọ nhận.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương Đức Phật dạy tỷ lệ phước báu tăng dần một cách vượt bậc từ người ác, người thiện, người giữ 5 giới cho đến các bậc Thánh và chư Phật. Người tu càng thanh tịnh bao nhiêu thì phước báu mang lại cho thí chủ càng dồi dào bấy nhiêu.

"Đại Quang Minh" là ánh sáng trí tuệ và cơ duyên giải thoát trong tương lai của thí chủ. Một hành giả tu hành chân chính, nếu một hay hai đời sau đắc quả A-la-hán hoặc đi vào hàng Bồ-tát, khi gặp lại người có duyên từng cúng dường che chở cho mình, họ chắc chắn

sẽ độ thoát cho người đó. Đó chính là ý nghĩa thâm sâu của cụm từ "Đại Quang Minh". Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc người cúng dường được miễn trừ nghiệp xấu của họ. Nếu họ tạo ác nghiệp, họ vẫn phải trả quả báo ác trước, rồi hạt giống phước lành từ việc cúng dường bậc chân tu mới trở quả ngọt về sau.

Để dễ hình dung, việc người tu nỗ lực giữ gìn phàm hạnh cũng giống như việc các công ty ngoài xã hội tìm kiếm những học sinh vừa có tài vừa có đức để "đầu tư" học bổng. Người ta chấp nhận đầu tư vào một đứa trẻ lúc này chưa có gì, nhưng tin tưởng rằng sau khi thành tài, đứa trẻ đó sẽ đem lại lợi ích lớn cho doanh nghiệp và xã hội. Người xuất gia chính là đối tượng để hàng cư sĩ "đầu tư" tâm linh. Nếu ta tu hành tốt, ta sẽ mang lại kết quả thù thắng cho "nhà đầu tư" của mình. Ngược lại, nếu người tu phá giới, luống uổng đồ ăn thức uống của đàn na thì không những không trả được ơn, mà đời sau có khi phải đọa làm thân trâu ngựa, chớ mè để trả nợ cho họ, trở thành

gánh nặng và làm uổng phí lòng tin của tín thí. Lời dạy này nhắc nhở mỗi người tu sĩ phải luôn tinh tấn tu tập để xứng đáng với bát com manh áo của muôn vạn đàn việt.

Thời Phật, một bà lão ăn mày mắc bệnh cùi cứng dường bát com xin được cho Tôn giả Đại Ca-diếp. Bà lão ấy vốn là người rất thiếu phước, lại đang chịu dư báo kiếp trước nên bị bệnh cùi hủi, thân thể hôi hám, phải ăn xin nơi đầu đường xó chợ cầu sống qua ngày. Thế nhưng, khi Tôn giả Đại Ca-diếp — một vị Thánh A-la-hán với giới đức hoàn toàn thanh tịnh — đi khất thực ngang qua, bà đã đem chút com ít ỏi vừa xin được dâng cúng cho Ngài với lòng thành kính và hoan hỷ tột cùng. Nhờ tâm cúng dường hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh đối với một bậc Thánh Tăng vô lậu, nên ngay sau khi xả bỏ báo thân, bà lập tức sinh lên cõi trời, ngự trong cung điện nguy nga, được nhiều thiên tử thiên nữ xinh đẹp vây quanh hầu hạ. Rõ ràng, từ một người bần cùng, ít phước và đang gánh chịu nghiệp báo

đau đớn, chỉ nhờ một bát cơm dâng cúng đơn sơ nhưng gieo đúng vào "ruộng phước" tối thượng, bà đã chuyển hóa hoàn toàn vận mệnh của mình.

Câu chuyện này đã làm sáng tỏ lời dạy của Đức Phật: Khi một hành giả tu hành thanh tịnh, sự thọ nhận của họ sẽ mang lại lợi ích và phước báu vô cùng lớn lao cho đàn na tín thí. Đây là lời đúc kết chung bao quát về quả báo của bốn sự cúng dường. Ở những đoạn kinh văn tiếp theo, Đức Phật sẽ giải thích chi tiết từng thọ nhận riêng biệt để răn dạy các Tỳ-kheo.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bèn chắc cột siết bắp tay cho đến bút da; bút da rồi bút thịt; bút thịt rồi bút gân; bút gân rồi bút xương; bút xương cho tới tủy mới thôi. Hoặc nếu từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thọ thuyên mà nhận sự tín thí, rồi sờ mó thân thể, chi tiết, tay chân. Điều nào vui sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông bèn chắc cột siết bắp tay cho đến bút da; bút da rồi bút thịt; bút thịt rồi bút gân; bút gân rồi bút xương; bút xương cho tới tủy mới thôi. Rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền mà được cúng thí, rò rỉ thân thể, chi tiết, tay chân; thì rất vui sướng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu vô thượng phạm hạnh thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông, cột siết bắp tay cho tới bút da, bút da rồi bút thịt, bút thịt rồi bút gân, bút gân rồi bút xương, bút xương tới tủy mới thôi. Việc ấy mặc dù như vậy mà các người thợ khổ hoặc chết, nhưng không do đó mà thân hoại mạng chung đi đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si

phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn; từ người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thọ nhận sự tín thí, rồi rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân. Người ngu si đó vì vậy vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các người hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Hãy suy nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh vào các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Ở ví dụ thứ hai, Đức Thế Tôn giả định một lực sĩ – người có sức mạnh phi thường – dùng sợi dây thừng bằng lông siết chặt bấp

tay của hành giả. Sức mạnh ấy kinh khủng đến mức bứt đứt da, bứt thịt, bứt gân, bứt xương và thấu tận vào tủy. Nỗi đau đớn ấy vượt ngoài sức tưởng tượng của con người. Vậy mà, Đức Phật khẳng định: thà chịu đựng sự hành hạ nát tan thân xác như thế cho đến chết còn hơn là người tu phá giới, không tinh tấn mà thọ nhận sự cúng dường, rồi có những hành vi đụng chạm, sờ mó thân thể người nữ. Bởi một khi người tu không có lòng tầm quý (biết hổ thẹn), vì ngu si mà buông lung phạm giới một lần, họ sẽ rất dễ trượt dài và phạm vào những lần tiếp theo.

Từ lòng từ bi vô bờ, Đức Thế Tôn một lần nữa lặp lại lời răn dạy: Khi đã bước vào hàng ngũ Sa-môn, hành giả phải dốc lòng công phu để đời tu không uổng phí. Nếp sống xuất gia chân chính chắc chắn sẽ mang lại quả báo thù thắng và niềm an lạc tột cùng. Nếu kiếp này chưa thể đắc đạo giải thoát, hành giả vẫn được tái sinh vào các cõi lành, hưởng phước báo trang nghiêm và kéo dài tuổi thọ tiếp tục

hành trình tu tập. Quan trọng hơn cả, việc gìn giữ phẩm hạnh thanh tịnh chính là cách duy nhất để đền đáp ơn nặng của đàn na tín thí, giúp họ gieo trồng hạt giống phước đức sâu dày và hướng tới một tương lai sáng rõ trên con đường giác ngộ (Đại Quang Minh). Ngược lại, nếu thọ dụng của tín thí mà lại tạo ác nghiệp thì quả là điều lãng phí và đáng tiếc vô ngần cho chí nguyện xuất gia.

Ở ví dụ thứ hai này, Đức Thế Tôn tiếp tục đưa ra cái nhìn tổng quát về sự cúng dường của đàn na tín thí, nhưng ngài đặc biệt nhấn mạnh răn dạy về giới dâm. Ngài khẳng định: Thà chịu khổ hình bút da xẻ thịt còn hơn buông lung thân thể để rờ rẫm, đụng chạm vào người khác phái. Điều này cảnh tỉnh người tu không được xem nhẹ bất kỳ sự tiếp xúc thân thể nào, dù việc đụng chạm ấy chưa đi đến hành vi giao hoan. Bởi bản năng sinh lý tự nhiên của con người vốn rất mạnh mẽ; hễ có sự đụng chạm kích thích ban đầu thì tâm thức sẽ rất dễ bị lôi kéo và tiếp tục tiến xa hơn nữa.

Nhìn lại các câu chuyện về những bậc hành giả và cao tăng đắc đạo, chúng ta thấy một ranh giới rất rõ ràng giữa định lực của bậc Thánh và tâm thức phàm phu. Bên Nho giáo, ngài Liễu Hạ Huệ nổi tiếng với câu chuyện ngồi ôm cô gái trẻ suốt đêm mưa dông mà tâm không hề dấy khởi một niệm dục nhiễm. Sau này, có một người học trò khác không dám cho góa phụ vào nhà trú mưa vì sợ động tâm, người góa phụ ấy đem điển tích Liễu Hạ Huệ ra so sánh. Người học trò thảng thẩn thừa nhận: "Tôi không có năng lực định tĩnh lớn như Liễu Hạ Huệ, ngài có thể tiếp xúc trực tiếp với người khác phái mà tâm không dục nhiễm, còn tôi bắt buộc phải đóng chặt cửa, tuyệt đối tránh xa không tiếp xúc, nhờ vậy mà tôi cũng không khởi dục niệm".

Tương tự, trong lịch sử Phật giáo cũng có rất nhiều vị Thánh thị hiện phương tiện làm những việc tương như phạm giới. Như ngài Cư-ma-la-thập bất đắc dĩ tuân lệnh vua cười

công chúa để di truyền nòi giống thông tuệ. Các đệ tử cũng bắt chước đòi lấy vợ, ngài Cưu-ma-la-thập đã nấu trộn một bát dính sắt trước mặt đại chúng và tuyên bố: "Nếu ai ăn được bát dính này giống ta thì hãy bắt chước ta lấy vợ". Những bậc long tượng có năng lực "tướng phạm nhưng tâm không phạm" bởi các ngài đã đạt được định lực bất động, dùng huyền thân làm phương tiện độ sanh.

Với các hành giả còn là phàm phu như chúng ta, Đức Phật đã căn dặn rất kỹ: "Đừng tin vào ý ông khi chưa chứng quả A-la-hán". Bản thân chúng ta chưa có định lực như đá tảng của ngài Liễu Hạ Huệ hay thần thông vô lậu của ngài Cưu-ma-la-thập, nên hề đưng chạm bên ngoài thì chắc chắn tâm sẽ dao động. Do đó, cách tu tập đúng đắn nhất là phải biết rõ giới hạn và năng lực của mình, chủ động né tránh và giữ khoảng cách cần thiết với các duyên trần để bảo hộ sự trong sạch cho thân tâm.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là từ nơi người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giữa sắc bén chặt đứt ngang đùi, thì rất khổ. Thế Tôn, còn từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giữa chặt đứt ngang đùi. Việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng

chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, tiếp đón. Người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không được thiện, không được nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, thực phẩm, giường chiếu của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang vinh lớn, nên học như vậy”.

Ở ví dụ thứ ba, Đức Thế Tôn so sánh hai cảnh đối lập: một bên là thân xác chịu cực hình, bị lực sĩ lấy dao bén chặt đứt đùi; một

bên là được thí chủ đón rước, đánh lễ, cung kính... Người phàm ai cũng sẽ thấy sự đau đón thể xác là vô cùng thống khổ, còn được người khác tôn kính là niềm vui sướng. Thế nhưng, Đức Phật đã khẳng định mạnh mẽ: Thà chấp nhận bị chặt đứt lìa thân thể cho đến chết còn hơn là một kẻ phá giới, tu hành bất tịnh nhưng lại ung dung thọ nhận sự lễ bái của cư sĩ.

Khi đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên mình y ca-sa, dù ta muốn hay không, Phật tử cũng sẽ chấp tay xá chào và cung kính cúng dường. Người tu chân chính nếu thấy định lực và đạo hạnh của mình chưa đủ lớn, thường sẽ tránh bớt sự cung bái ấy. Tuy nhiên, nếu không thể né tránh được ngoại duyên, giải pháp duy nhất là hành giả phải dốc lòng tu tập, giữ gìn giới luật cẩn thận để xứng đáng với sự tôn kính của đàn na.

Chúng ta có quyền chưa chứng Thánh, chưa hoàn hảo, nhưng tuyệt đối không có quyền buông xuôi hay dung túng cho những

thói hư tật xấu của bản thân. Điều đáng sợ không phải là ta tu dở, mà là ta biết mình dở nhưng không chịu sửa đổi hoặc tự mãn với chính mình. Giống như một học sinh dở nhưng biết nỗ lực học tập thì vẫn tiến bộ. Người tu khi thấy tâm tham, sân, si, tật đố... khởi lên phải lập tức nhận diện và gột rửa ngay. Mỗi khi được người khác xá chào, đánh lễ... hành giả phải lấy đó làm gương soi tự nhắc nhở bản thân nỗ lực tinh tấn công phu, không để các ác pháp làm hoen ố đạo tâm. Đó chính là cách chuyển hóa ân nợ của đàn na thành công đức vô lượng.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao? Hoặc có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực, rồi quần quanh thân thể; hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để nhận sự tín thí y phục của người; cái nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quần quanh

thân thể thì rất khổ. Nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh tín thí, y phục của người, thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói các người biết, không để các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể. Dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thọ lãnh sự tín thí, y phục của người. Người ngu si kia, vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp. Sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các người quán sát nghĩa này, quán

sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người tín thí là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Ở ví dụ thứ tư, Đức Thế Tôn nói về việc thọ nhận y phục cúng dường: Thà để lực sĩ đem những lá đồng, lá sắt nung đốt đỏ rực rồi quấn chặt quanh thân thể cho đến chết. Cực hình này dù mang lại sự đau đớn tột cùng và tiêu hủy mạng sống trong hiện tại, nhưng không đẩy người đó đọa vào ác đạo hay địa ngục. Ngược lại, nếu một người xuất gia ngu si, không chịu tinh tấn tu hành, tâm phát sinh các ác pháp bất thiện mà vẫn thản nhiên nhận lãnh áo chăn do mồ hôi nước mắt của đàn na tín thí dâng cúng, thì quả báo sau này là phải đọa thẳng vào địa ngục tối tăm.

Qua đây, Đức Phật muốn nhắc nhở nghiêm khắc đệ tử nếu tự thấy bản thân không thể tu hành đàng hoàng, không giữ được phạm hạnh trong sạch, thì tốt nhất không nên thọ nhận y phục cúng dường của tín chúng. Việc thọ dụng vật chất thế gian mà không nỗ lực chuyển hóa tâm linh chính là con đường ngắn nhất dẫn đến đọa lạc vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Do đó, Đức Thế Tôn một lần nữa lặp lại điệp khúc răn dạy cốt lõi của toàn bài kinh: Người xuất gia phải luôn quán sát hai mặt lợi và hại đối với bản thân lẫn người khác để biết dừng lại trước bờ vực tội lỗi. Hãy luôn nỗ lực công phu để đời tu không trôi qua một cách ửng phí, giúp bản thân gạt hái được niềm an lạc cùng cực và bảo hộ cho những người thí chủ đã phát tâm cúng dường được thành tựu phước báu vô lượng, mở ra cho họ một tương lai rạng rỡ trên con đường giác ngộ.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kèm sắt nóng, kéo cho hở miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hùng hực quăng vào trong miệng. Viên sắt nóng đó đốt môi; đốt cháy môi rồi đốt cháy lưỡi; đốt lưỡi rồi đốt lợi; đốt lợi rồi đốt cổ; đốt cổ rồi đốt tim; đốt tim rồi đốt bao tử và ruột; đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, thợ nhận sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho hở miệng, rồi lấy viên sắt đã cháy hùng hực bỏ vào miệng. Viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Việc ấy rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị; việc ấy rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để các người học Sa-môn mà để mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì để lực sĩ đem kèm sắt nóng kéo cho há miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống đất. Điều ấy dù do vậy mà phải chịu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn. Từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp,

sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Ở ví dụ thứ năm, Đức Thế Tôn mượn một hình phạt rùng rợn chốn địa ngục làm đề tài răn dạy: cực hình "nuốt hòn sắt nóng". Ngài mô tả vô cùng chi tiết lộ trình tàn phá của hòn sắt nóng: đầu tiên bị kèm sắt banh miệng, rồi hòn sắt rơi vào thiêu đốt đôi môi, rộp nát đầu lưỡi, cháy đen nướu lợi, rồi trôi xuống thiêu đốt thực quản, tim, dạ dày, đường ruột cho đến khi xuyên thẳng ra ngoài. Sự đau đớn oằn oại này dù khiến hành giả phải bỏ mạng trong hiện tại nhưng sẽ không đẩy thần thức rơi vào

néo ác. Ngược lại, nếu một người xuất gia ngu si, lười biếng và phá giới nhưng vẫn ung dung thọ nhận những món ăn vô lượng mùi vị của đàn na tín thí dâng cúng, thì quả báo thực sự chính là đọa lạc vô lượng kiếp dưới hố sâu địa ngục.

Một lần nữa, Đức Thế Tôn nghiêm khắc nhắc nhở chư Tỳ-kheo phải cực kỳ cẩn trọng trong từng niệm khởi, lời nói và hành động để không phụ sự cúng dường của thí chủ. Người xuất gia vốn không tự làm ra lúa gạo, duy trì mạng sống hoàn toàn dựa vào sự cúng dường của đàn na. Vì không thể từ chối việc thọ nhận tứ sự để nuôi thân, người tu bắt buộc phải tu hành thật tốt để xứng đáng với sự cúng dường ấy.

Bên cạnh sự răn đe nghiêm khắc đó, Đức Thế Tôn cũng khẳng định chắc chắn rằng con đường xuất gia chân chính luôn tích lũy phước báu và công đức vô lượng. Hãy nhìn vào đời sống tu tập hằng ngày của một tu sĩ: bình thời tập giữ thân tâm tĩnh lặng, khi tiếp

duyên với Phật tử luôn dùng lời nói dịu dàng, ánh mắt từ bi.... Khi một người đến chùa với cõi lòng trĩu nặng u sầu, chính sự rạng rỡ, hoan hỷ và năng lượng từ bi tỏa ra từ nụ cười, lời hỏi han chân thành của chư Tỳ-kheo đã làm xoa dịu và tươi mát tâm hồn họ. Hay như việc chủ động dọn dẹp, chùi rửa nhà vệ sinh chung vì nghĩ đến sự sạch sẽ của số đông... Tất cả những niệm lành phát khởi nơi tâm và biến thành hành động nơi thân chính là nguồn công đức vô lượng. Do đó, nếp sống xuất gia nghiêm mật luôn trở ra quả ngọt an lạc cùng cực và là chiếc bè vững chắc đưa hành giả hướng đến bờ giải thoát.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trong đó hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh sự tín thí, giường chõng hay ngọa cụ của người; việc nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu theo các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng, ngọa cụ của người; thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các ngươi muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó, việc đó vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết. Nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng làm Sa-môn, rồi từ những người Sát-lợi, Phạm

chí, cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh sự tín thí, ngọa cụ, giường chõng của người; người ngu si đó vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thợ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy”.

Ở ví dụ thứ sáu, Đức Thế Tôn tiếp tục mượn một hình phạt khốc liệt nơi địa ngục - cực hình nằm trên giường sắt hay giường đồng nung đỏ rực: Thà chấp nhận thân này bị thiêu đốt trên giường sắt nóng cho đến chết, nổi thối khổ và cái chết cũng chỉ gói gọn trong một kiếp người ngắn ngủi, chớ không đẩy thần thức sa đọa vào ác đạo. Ngược lại,

nếu một người xuất gia ngu si, phá giới và không tinh tấn, tâm phát sinh các ác pháp bất thiện mà vẫn thản nhiên đón nhận sự cúng dường giường chõng, phòng ốc và những tiện nghi êm ấm của tín chúng thì quả báo sau này chính là đọa thẳng xuống địa ngục tối tăm.

Trong thực tế hiện nay, chúng ta thấy lòng thành kính của đàn na tín thí dành cho Tăng Ni vô cùng lớn lao. Họ sắp xếp cho người tu những căn phòng trang nghiêm, thanh tịnh, sắm sửa giường êm nệm ấm; thậm chí lắp đặt cả máy lạnh, quạt điện để quý thầy, quý cô được mát mẻ trong những ngày oi bức. Phật tử thương yêu, chăm lo cho người tu từng chiếc võng, manh chiếu, tấm nệm êm ái khi tuổi đã cao. Sự chăm sóc chu đáo này quả thực là niềm hạnh phúc lớn lao. Thế nhưng, nếu người tu nhận lấy sự chăm sóc yêu thương ấy mà lại lười biếng, buông lung, không gột rửa thân tâm thì món nợ tín thí này sẽ đẩy thẳng họ vào địa ngục nhanh như tên bắn.

Do đó, Đức Thế Tôn ân cần nhắc nhở hàng đệ tử phải nỗ lực tu hành chân chính để đền đáp tấm lòng chân thành yêu thương của thí chủ. Mỗi hành giả phải luôn tỉnh giác giữ gìn phẩm hạnh nơi ba nghiệp Thân - Khẩu - Ý. Khi nhận thấy các ác pháp bất thiện vừa chớm khởi trong lòng, ta phải lập tức buông xả và dập tắt ngay. Chỉ có sự tinh tấn không ngừng mới giúp người tu xứng đáng với chiếc giường êm, căn phòng mát mà đàn na dâng cúng, từ đó giúp người phát tâm được gieo trồng hạt giống lành, thành tựu quả báo thù thắng và ngọn đèn trí tuệ rạng rỡ trong tương lai.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các người nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thợ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa

lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp. Đằng nào vui sướng hơn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; thế thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp; thế thì rất vui sướng”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Ta sẽ nói cho các người biết, không để cho các người học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các người nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm giỏ ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì như thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa

ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rời từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ thọ thuyên để nhận lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp của người. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ, hay sanh vào địa ngục. Vì thế các người nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người, là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như thế”.

Ở ví dụ cuối cùng, Đức Thế Tôn cũng mượn một hình phạt kinh hoàng nơi địa ngục

để răn đe: cục hình bị ném lộn ngược vào chảo lớn bằng sắt bằng đồng đang đun dầu sôi sùng sục. Ngài khẳng định: Thà chấp nhận thân này bị nung nấu trong chảo dầu sôi cho đến chết, cục hình này dù mang lại sự đón đầu tốt cùng nhưng sẽ không đẩy thần thức sa đọa vào địa ngục. Ngược lại, nếu một người xuất gia ngu si, phá giới, không chịu tinh tấn công phu mà thản nhiên đón nhận sự cúng dường nhà cửa tịnh xá của tín chúng, thì cái giá phải trả sau khi nhắm mắt chính là hố sâu địa ngục u tối.

Bản kinh này phản ánh rất chân thực bối cảnh khí hậu và đời sống người dân tại Ấn Độ cổ đại. Thời bấy giờ chưa có xi măng, vào mùa đông lạnh giá, người ta phải dùng đất bùn tô trét thật kỹ các kẽ hở quanh nhà, đóng chặt mọi cửa lớn cửa sổ và đốt lò sưởi thì mới mong chống chọi lại cái lạnh thấu xương. Việc Phật tử cúng dường một ngôi nhà kiên cố, kín kẽ và ấm áp như thế chính là sự bảo bọc mạng sống, giúp hành giả không bị cái lạnh mùa

đông hay cái nắng mùa hạ tàn phá thân thể. Ngày nay, Tăng Ni thường được đàn na xây cất cho những ngôi chùa kiên cố, sạch sẽ, mát mẻ và tiện nghi. Sự phụng sự ấy đong đầy tình yêu thương tôn kính. Nhưng Đức Phật đã cảnh tỉnh: Nếu ta phạm giới, không tu hành đàng hoàng thì thọ dụng bao nhiêu tịnh thất tốt đẹp sẽ biến thành gông cùm cứng chắc bấy nhiêu ở tương lai.

Thấu hiểu lòng từ vô lượng của Đức Thế Tôn, người tu phải tự soi rọi lại mình trong từng niệm khởi. Các ác pháp như: thói thất tín tâm, phạm giới, không đa văn (thiếu hiểu biết giáo pháp), lười biếng... cần phải buông bỏ, chuyên hóa nội tâm hướng về nẻo thiện. Luôn nhắc mình đạo lực của bản thân chính là điểm tựa lớn nhất giúp đàn na tín thí gieo trồng phước đức thù thắng. Phải thấy mỗi giây phút mình ngồi yên tĩnh tọa trong căn phòng mát mẻ kiên cố là một cơ hội đền ơn mười phương đàn việt.

Khi dạy bài pháp này, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, giải thoát kiết sử. Sáu mươi Tỳ-kheo xả giới hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của Đức Thế Tôn rất sâu, rất khó, sự học đạo lại rất sâu rất khó.

Bản kinh Mộc Tích Dự khép lại bằng một sự kiện chấn động: 60 vị Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, đắc quả A-la-hán và 60 vị Tỳ-kheo khác xin xả giới hoàn tục. Sự phân hóa này phản ánh chính xác chiều sâu và tính chất nghiêm ngặt trong lời dạy của Đức Thế Tôn.

Đối với nhóm 60 vị đắc quả, họ là những bậc hành giả có niềm tin kiên cố, luôn tinh tấn gìn giữ giới hạnh và quán chiếu sâu sắc hai mặt lợi hại đối với bản thân lẫn tha nhân. Khi nghe Đức Phật khẳng định người tu chân chính luôn mang lại quả báu vô lượng, niềm an lạc cùng cực và giúp đàn na tín thí thấp sáng ngọn đèn trí tuệ (Đại Quang Minh), tâm thức của các vị liền được khai mở. Họ nhận ra giá trị tối thượng của đời sống xuất gia nên đã

đoạn tận các kiết sử và chứng đắc Thánh quả ngay tại chỗ.

Ngược lại, nhóm 60 vị thối tâm hoàn tục lại rơi vào một trạng thái tâm lý khác. Đó là những người vốn dĩ còn lười biếng, giới hạnh chưa tròn hoặc tín tâm đã lung lay. Khi nghe Đức Phật vạch trần quả báo thảm khốc của việc dối gạt thí chủ, không đủ giới hạnh mà thọ nhận tứ sự cúng dường của đàn na, lòng tâm quý (biết xấu hổ và ghê sợ tội lỗi) trong họ trỗi dậy. Họ hoảng sợ trước quả báo phải đọa vào ba đường ác trong vị lai. Sự hoàn tục của họ, xét ở một góc nhìn khác, chính là một hành động lương thiện. Họ thà trở về làm một cư sĩ bình thường, tự làm tự ăn không nợ nần ai, còn hơn tiếp tục đứng trong hàng ngũ Tăng đoàn một cách giả dối để rồi chuốc lấy quả báo khổ đau. Điều này cũng chứng minh cho lời đúc kết cuối kinh: “sự học đạo thực sự rất sâu rất khó.”

Câu kinh: “*Sự giáo huấn của Đức Thế Tôn rất sâu rất khó... sự học đạo lại rất sâu rất khó*” là

chiếc chìa khóa lý giải vì sao trong cùng một bài giảng lại có hai kết quả hoàn toàn trái ngược. Cái "sâu" và cái "khó" nằm ở chỗ hành giả tiếp nhận lời Phật bằng tâm thế nào. Người vững tin sẽ nhìn vào quả báo thù thắng để tinh tấn tiến tu, làm ruộng phước cho đời; kẻ yếu lòng lại nhìn vào quả báo khốc liệt mà sinh tâm sợ hãi rồi thối lui.

Sở dĩ nói việc học đạo vô cùng thâm sâu và gian nan là bởi hành trình này buộc ta phải đối diện và rèn luyện ngay chính nội tâm của mình. Người tu phải liên tục tỉnh giác để nhận diện những hạt giống tạt đổ, si mê hay tà kiến đang ẩn nấp bên trong. Đơn cử như trong đời sống chấp tác hằng ngày, khi ta dạn dò huynh đệ làm một việc nhưng họ lại làm sai ý ta, ngọn lửa sân hận sẽ lập tức bùng lên. Một người tỉnh thức sẽ không tìm lý do để bào chữa cho cơn giận của mình. Họ thấu hiểu rằng đối phương làm sai có thể do nghe lầm hoặc có những nhân duyên vô thức khác chứ không phải cố ý. Thấu hiểu như vậy để lập

tức hóa giải tâm sân, thay vì tự cho mình cái quyền được nổi giận để rồi làm tổn thương người khác.

Trong cuộc sống, ai cũng tự cho mình đúng dựa trên góc nhìn cá nhân, rất ít người can đảm thừa nhận mình sai. Học đạo chính là học cách chiến thắng cái tôi bản ngã ấy. Đức Phật từng dạy: *"Thắng một vạn quân không bằng tự thắng mình"*. Chúng ta thường đóng vai "luật sư" để bào chữa cho lỗi lầm của bản thân, và thích làm "thẩm phán" để định tội người khác. Người tu học chân chính phải lật ngược lại thói quen ấy: hãy làm một vị thẩm phán nghiêm khắc với chính mình để gột rửa tâm ô nhiễm, và làm một vị luật sư bao dung để thấu hiểu cho nghịch cảnh của tha nhân. Có thấu triệt và thực hành được như vậy, chúng ta mới không uổng công đón nhận giáo pháp và tự đưa mình vào hàng ngũ của những bậc giác ngộ chứ không phải thối tâm hoàn tục.

Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Đây là niềm hỷ lạc thuần khiết khi được thọ nhận giáo pháp cam lồ từ đấng Từ Phụ. Có thể trong bối cảnh đương thời, sự xuất hiện của những trường hợp phá giới đã khiến Đức Thế Tôn phải tuyên thuyết bài pháp mang tính răn đe khốc liệt này. Tuy nhiên, đằng sau những hình ảnh rúng động ấy lại là một tấm lòng từ bi vô lượng nhằm bảo hộ mạng mạch của Tăng đoàn.

Đức Phật dùng những lời lẽ đanh thép không phải để xua đuổi, mà là để nhắc nhở và khích lệ các hành giả. Đối với những vị đang nỗ lực công phu nhưng chưa đạt đến đích giải thoát hoàn toàn, các vị vẫn hoàn toàn xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của đàn na tín thí. Hãy xem việc tu tập giống như quá trình học tập của một đứa trẻ. Khi mới ở lớp một, lớp hai, đứa trẻ chưa thể tự nuôi sống bản thân, bắt buộc phải nương tựa vào sự chu cấp của cha mẹ, sự dạy dỗ của thầy cô. Điều cốt yếu là đứa trẻ ấy phải học hành chăm chỉ và nỗ lực lên lớp mỗi năm để không cô phụ công

on dưỡng dục. Người tu hành cũng vậy, dù hiện tại ta chưa chứng đắc các Thánh quả, nhưng hằng ngày ta vẫn nghiêm cẩn trì giới và rải lòng từ bi đến muôn loài, thì mỗi ngày qua đi đều tích lũy những quả báo lành thù thắng.

Sự tinh tấn bền bỉ của một hành giả chân chính, dù còn ở địa vị phàm phu, vẫn tạo ra một "ruộng phước" mầu mỡ hơn hẳn việc cúng dường cho những người thiện lương ngoài thế gian. Thấu triệt được tính nhân văn và chiều sâu trong lời dạy của Đức Phật, người hành giả sẽ không bao giờ rơi vào tâm lý tự ti hay thoái chí. Ta tự hào vì bản thân đã dũng mãnh bước ra khỏi dòng xoáy thế tục (hạng người đã đứng vững trên mặt nước) và đang nỗ lực tiến về bờ giác, dứt khoát không để mình buông xuôi mà chìm đắm trở lại vào chốn luân hồi./.



*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

*Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.*



